

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2022/DS – PT
Ngày: 17/02/2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bích Hải

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần
Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 191/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm
2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 21/05/2021 của Tòa án
nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 338/2021/QĐ - PT ngày
02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh C1, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: - Ông Phạm Văn C2, sinh năm 1980

- Bà Hà Thị A, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Văn C2: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh
năm 1989

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện
V, Cần Thơ II.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vĩnh N, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng N - chi nhánh huyện V.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C1 trình bày: Ngày 30/4/2020, vợ chồng ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A hỏi mượn ông số tiền 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Khoảng 10 ngày sau, ông C2, bà A hỏi mượn thêm số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), tổng cộng 1.300.000.000đồng. Thời hạn mượn tiền 01 tháng sẽ thanh toán (ngày 30/5/2020). Ông C2, bà A có lập “Giấy mượn nợ”, ký tên làm tin.

Trước thời điểm mượn tiền nói trên, ông C2, bà A còn mượn của ông 100.000.000đồng, thời hạn trả ngày 06/3/2020. Ông C2, bà A có lập “Biên nhận mượn tiền”, ký tên làm tin. Tổng cộng số tiền mà ông cho ông C2, bà A mượn theo 02 tờ biên nhận là 1,4 tỷ đồng. Sau đó, ông C2, bà A trả được 600.000.000đồng, trong đó: thanh toán 100.000.000đồng cho khoản mượn 100.000.000đồng (hạn trả ngày 06/3/2020 theo nội dung Biên nhận mượn tiền) và 500.000.000đồng trong khoản mượn 1.300.000.000đồng (theo Giấy mượn nợ 1,3 tỷ đồng). Cấn trừ số tiền đã thanh toán, ông C2, bà A còn nợ ông 800.000.000đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông C2, bà A phải trả cho ông số tiền nợ gốc 800.000.000đồng và tính lãi suất theo mức 0,83%/tháng từ ngày 01/6/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, nguyên đơn còn có đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (phong tỏa thửa đất số 828, diện tích 8.593m², loại 2L, tờ bản đồ số 07, địa chỉ ấp T, xã T, huyện V do ông Phạm Văn C2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03375 do ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 08/01/2018).

- Các bị đơn bỏ địa phương đi, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Đến ngày 29/12/2020, riêng bị đơn ông Phạm Văn C2 có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ tham gia tố tụng nhưng ông Đ cũng không đến Tòa án để tham gia mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 21/05/2021 của Tòa án nhân dân huyện V đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với các bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A.

Buộc ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh C1 số tiền nợ vay gốc, lãi 763.910.000 đồng (trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 63.910.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2020/QĐ-KCTT ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện V cho đến khi có quyết định khác thay đổi, hủy bỏ.

Trường hợp kê biên, phát mãi đối với thửa đất số 828, diện tích 8.593m², loại 2L, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V do ông Phạm Văn C2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03375 do ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 08/01/2018 để thi hành án thì số tiền thu được từ việc bán tài sản ưu tiên thanh toán cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V, phần tiền còn lại được thanh toán cho ông Nguyễn Thanh C1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 02/6/2021 bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không có nghĩa vụ trả tiền lại cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin vắng mặt.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa cấp phúc thẩm thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của bị đơn trong thời hạn luật định nên phù hợp về hình thức.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Xét thấy, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 1.300.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng, số tiền còn lại bị đơn không tiếp tục thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn trả số tiền còn nợ và lãi suất. Tại cấp sơ thẩm bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, nguyên đơn hai lần yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn. Theo kết quả giám định xác định chữ ký trong biên nhận là của bị đơn nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo

nhưng vắng mặt và không cung cấp được chứng cứ mới nên đề nghị y án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cấp sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng tiền tạm ứng án phí của ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A thực hiện đúng qui định của pháp luật, nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định để xét xử vắng mặt các đương sự. Theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2020, nội dung ông Phạm Văn C2 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ thay mặt tham gia giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, cấp phúc thẩm đã triệu tập ông Nguyễn Văn Đ để tham gia phiên tòa nhưng ông Đ có Đơn xin hoãn phiên tòa ngày 31/12/2021, Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 25/01/2022. Trong phiên tòa ngày 17/02/2022, ông Đ vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện tại các biên nhận:

- Giấy mượn nợ ngày 30/4/2020 (BL 93): Phần nội dung thứ nhất, ông Phạm Văn C2 mượn của ông Nguyễn Thanh C1 số tiền 1.100.000.000 đồng, trong vòng 01 tháng sẽ trả cho ông Thanh C1. Phần này có chữ ký của ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A. Phần nội dung thứ hai, cuối giấy mượn nợ có ghi thêm ông Phạm Văn C2 mượn thêm ông Thanh C1 200.000.000 đồng. Tổng cộng là (1 tỷ ba). Phần này có chữ ký của ông Phạm Văn C2

- Giấy mượn nợ không ghi ngày tháng năm (Bản chính - BL 22) thể hiện nội dung: Ông Phạm Văn C2 và vợ là Hà Thị A, mượn của ông Nguyễn Thanh C1 số tiền 100.000.000 đồng hứa đến ngày 06/03/2020 sẽ hoàn trả. Biên nhận có chữ ký của ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn được triệu tập nhưng không có mặt. Nguyên đơn hai lần yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A.

Theo kết luận giám định số 114/KLGĐ-PC09 ngày 25/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ về đối tượng giám định:

“Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị A phía dưới dòng “người mượn” trên tờ giấy tập học sinh có nội dung giấy mượn nợ, không ghi ngày tháng năm là do bà Hà Thị A ký và viết ra”.

Chữ ký mang tên Phạm Văn C2 phía dưới dòng “người mượn” và tại dòng cuối cùng trên tờ giấy tập học sinh có nội dung giấy mượn nợ, không ghi ngày tháng năm so với chữ ký của Phạm Văn C2 trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra.

Chữ viết mang tên Phạm Văn C2 phía dưới dòng “người mượn” và tại dòng cuối cùng trên tờ giấy tập học sinh có nội dung giấy mượn nợ, không ghi ngày tháng năm so với chữ viết mang tên ông Phạm Văn C2 trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.”

Sau đó, nguyên đơn tiếp tục yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký tên của bà Hà Thị A thể hiện trên “Giấy mượn nợ”. Theo Kết luận giám định lại số 02/C09B ngày 29/01/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luận: “Chữ ký dạng chữ viết “A” trên tài liệu giám định so với chữ ký, chữ viết tên Hà Thị A trên các tài liệu so sánh là do cùng một người viết (ký) ra.”

Căn cứ vào kết quả giám định nêu trên và các biên nhận nợ gốc do nguyên đơn cung cấp, xác định: Ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A đã vay của ông Nguyễn Thanh C1, tổng cộng số tiền là 1,3 tỷ đồng theo nội dung “Giấy mượn nợ” là có thật trên thực tế. Theo khai nhận của ông Nguyễn Thanh C1, bị đơn đã trả cho ông Nguyễn Thanh C1 được số tiền 600.000.000 đồng. Do vậy, số tiền bị đơn phải tiếp tục hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh C1 là 800.000.000 đồng. Căn cứ theo điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh C1 buộc phía bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại cho ông Nguyễn Thanh C1 700.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với, số tiền bà Hà Thị A vay 100.000.000 đồng, kết quả giám định chưa xác định được do bà Hà Thị A ký tên trong biên nhận nên ông Nguyễn Thanh C1 rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này nên cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Nguyễn Thanh C1 đối với bị đơn. Tuy trong giấy mượn nợ không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nên phải trả lãi chậm trả theo quy định. Cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 điều 357, khoản 2 điều 468

Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị đơn phải trả lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Theo đơn yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (cấm chuyển dịch đối với thửa đất số 828, diện tích 8.593m², loại 2L, tờ bản đồ số 07, địa chỉ ấp T, xã T, huyện V do ông Phạm Văn C2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03375 do ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 08/01/2018). Tài sản bị phong tỏa, hiện tại các bị đơn đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V, khi kê biên phát mãi tài sản này để thi hành án, số tiền thu được sẽ ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng, phần tiền còn lại thi hành cho nguyên đơn theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án không có kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự có liên quan đến biện pháp này có quyền liên hệ với Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu xem xét thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp này.

[4] Về án phí phúc thẩm: Theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với các bị đơn ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A.

Buộc ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh C1 số tiền nợ vay gốc, lãi 763.910.000 đồng (trong đó: tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 63.910.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có liên quan đến Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2020/QĐ-KCTT ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, khi có yêu cầu thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp này, có quyền liên hệ với Tòa án nhân dân huyện V để được xem xét.

Trường hợp kê biên, phát mãi đối với thửa đất số 828, diện tích 8.593m², loại 2L, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V do ông Phạm Văn C2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03375 do ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 08/01/2018 để thi hành án thì số tiền thu được từ việc bán tài sản ưu tiên thanh toán cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V, phần tiền còn lại được thanh toán cho ông Nguyễn Thanh C1.

3/ Về án phí dân sự:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A phải chịu 34.556.400 đồng (ba mươi bốn triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm đồng).

Ông Nguyễn Thanh C1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, cụ thể:

- 18.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/016522 ngày 13 tháng 10 năm 2020;

- 1.328.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/016669 ngày 05 tháng 02 năm 2021;

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 016826 ngày 10/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

4/ Về chi phí giám định:

Buộc ông Phạm Văn C2, bà Hà Thị A phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để giao trả lại cho ông Nguyễn Thanh C1.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ;
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bích Hải

